

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (CTG: HOSE)

Ngày báo cáo: 22/09/2025
Ngành: Ngân hàng
CVPTCC: Trương Minh Phương Duy
Email: duytmp@ssi.com.vn
SĐT: +84-28 3636 3688

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1Y: **63.800 Đồng**
Giá CP ngày 19/09/2025: 51.200 Đồng
% Tăng giá: **+24,6%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 10.400
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 274.944
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 5.370
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 11.026.286
Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ): 52,5/33,1
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 522,8
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 26,4
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 64,5

Biên động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam được thành lập vào năm 1988 sau khi tách khỏi Ngân hàng Nhà nước trở thành một ngân hàng độc lập, và chính thức lấy tên Ngân hàng Công Thương Việt Nam (ICB) vào năm 1990. Kể từ tháng 4/2008, ICB đã giới thiệu thành công logo mới và đổi tên thành Vietinbank. Sau hơn 20 năm phát triển, ngân hàng đã trở thành ngân hàng lớn thứ hai Việt Nam với tổng tài sản ước tính đạt 780 nghìn tỷ đồng (2015).

Hữu xạ tự nhiên hương

- Khuyến nghị KHẢ QUAN:** Chúng tôi khuyến nghị KHẢ QUAN đối với cổ phiếu CTG với mức giá mục tiêu 1 năm là 63.800 đồng/cổ phiếu, tương đương tiềm năng tăng giá là 24,6%.
- Yếu tố cơ bản tiếp tục cải thiện:** Lợi nhuận trước thuế dự báo tăng mạnh (+26% svck trong năm 2025 và +23,5% svck trong năm 2026), chất lượng tài sản tốt với chi phí tín dụng giảm mạnh và ROE duy trì mức cao khoảng 20% trong trung hạn.
- Các yếu tố thúc đẩy ngắn hạn** đến từ lợi nhuận Q3/2025 tích cực, việc thực hiện kế hoạch chia cổ tức và khả năng ghi nhận thu nhập bất thường từ việc bán tòa VietinBank Tower tại Ciputra.

Luận điểm đầu tư

Chúng tôi điều chỉnh khuyến nghị cổ phiếu CTG xuống KHẢ QUAN (từ MUA) với **giá mục tiêu 1 năm là 63.800 đồng/cổ phiếu**, tương đương tiềm năng tăng giá là 24,6%. Đà tăng trưởng lợi nhuận và chất lượng bảng cân đối kế toán của CTG tiếp tục được củng cố, giúp ROE duy trì ở mức cao (khoảng 20%), biên lãi ròng (NIM) ổn định ở mức 2,71%, và chi phí tín dụng giảm mạnh. Chúng tôi cho rằng những yếu tố tích cực này sẽ giúp CTG được định giá cao hơn, lên mức P/B mục tiêu là 1,65x. CTG hiện đang giao dịch ở mức P/B trượt là 1,66x và P/B dự phóng năm 2026 là 1,32x — cao hơn mức trung bình 5 năm là 1,39x và gần mức +1 độ lệch chuẩn.

Triển vọng lợi nhuận

Chúng tôi điều chỉnh dự báo lợi nhuận trước thuế lên 40 nghìn tỷ đồng cho năm 2025 (+26% svck) và 49,4 nghìn tỷ đồng cho năm 2026 (+23,5% svck), lần lượt tăng 3,6% và 2,6% so với dự báo trước. Điều này phản ánh chất lượng tài sản cải thiện, với chi phí tín dụng dự báo giảm xuống 1,23% trong năm 2025 và 1,0% trong năm 2026, cùng với tỷ lệ nợ xấu dự kiến lần lượt là 1,15% và 1,1%. Với khả năng sinh lời cải thiện, CTG có thể duy trì tăng trưởng lợi nhuận và được định giá lại.

Một số sự kiện trong thời gian tới:

- Bán tòa VietinBank Tower:** CTG cho biết đang tìm kiếm đối tác để tiến hành chuyển nhượng dự án Vietinbank Tower tại Ciputra kể từ tháng 7/2025. Mặc dù lợi nhuận từ thương vụ này có thể thay đổi tùy thuộc vào giá bán, chúng tôi cho rằng tác động đến dự báo lợi nhuận năm 2025 là không đáng kể.
- Kế hoạch chia cổ tức:** CTG dự kiến tăng vốn từ lợi nhuận giữ lại các năm 2009–2016, 2021 và 2022, với tổng giá trị là 24 nghìn tỷ đồng (44,64% vốn điều lệ). Việc thực hiện dự kiến diễn ra từ Q4/2025 đến Q1/2026, phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan quản lý.
- Lợi nhuận trước thuế Q3/2025 dự kiến tăng mạnh nhờ mức nền thấp của Q3/2024.**

Yếu tố hỗ trợ:

- NIM phục hồi tốt hơn dự kiến.
- Thu từ nợ xấu đã xử lý cao hơn dự kiến.

Rủi ro: Chi phí dự phòng cao hơn dự kiến.

Bảng 1: Các chỉ tiêu chính

	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
Tổng thu nhập hoạt động (tỷ đồng)	53.157	64.117	70.548	81.909	90.925	103.517
Tăng trưởng thu nhập hoạt động (%)	17,3%	20,6%	10,0%	16,1%	11,0%	13,8%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	17.589	21.132	24.990	31.758	40.022	49.416
Tăng trưởng LNTT (%)	3,0%	20,1%	18,3%	27,1%	26,0%	23,5%
Tăng trưởng tín dụng (%)	11,1%	12,1%	15,5%	16,8%	18,0%	16,0%
Tăng trưởng huy động (%)	16,8%	9,3%	13,9%	15,2%	13,1%	14,1%
LDR thuần (%)	93,1%	95,5%	96,9%	98,2%	102,4%	104,1%
NIM (%)	3,01%	2,98%	2,86%	2,88%	2,71%	2,71%
CIR (%)	32,3%	29,9%	29,0%	27,5%	30,7%	31,0%
Nợ xấu (%)	1,26%	1,24%	1,13%	1,25%	1,15%	1,10%
Chi phí tín dụng (%)	1,7%	2,0%	1,8%	1,7%	1,2%	1,0%
LLCR (%)	180,4%	186,1%	167,2%	170,7%	166,6%	166,9%
ROA (%)	0,79%	0,82%	0,83%	0,92%	1,0%	1,1%
ROE (%)	15,88%	16,82%	17,12%	18,47%	19,8%	20,7%
BVPS (VND)	19.487	22.539	23.440	27.923	32.735	38.679
EPS (VND)	2.360	2.835	2.984	3.799	4.813	5.944
P/E	13,67	9,61	9,08	9,95	10,64	8,61
P/B	1,65	1,21	1,16	1,35	1,56	1,32

Nguồn: CTG, SSI Research

Tóm tắt KQKD Q2/2025: CTG ghi nhận kết quả Q2/2025 ấn tượng, với lợi nhuận trước thuế tăng mạnh 79% svck (+77% so với quý trước) lên 12,1 nghìn tỷ đồng – cao hơn nhiều so với dự báo của chúng tôi là 9,3 nghìn tỷ đồng. Kết quả tích cực này chủ yếu đến từ thu hồi nợ xấu đã xử lý tăng mạnh (+44,3% svck) và chi phí dự phòng giảm đáng kể (-62% svck), mặc dù lợi nhuận hoạt động trước dự phòng (PPOP) chỉ tăng nhẹ 3,5% svck (+0,9% so với quý trước).

Bảng 2: Các chỉ số tài chính của Bảng cân đối kế toán

	31/12/2024	31/03/2025	30/06/2025	%YTD	%QoQ
Tổng tín dụng	1.725.877	1.804.283	1.903.096	10,3%	5,5%
Tổng huy động	1.757.995	1.824.584	1.947.912	10,8%	6,8%
Tỷ lệ nợ xấu	1,24%	1,55%	1,31%		
LLCR	170,7%	136,8%	134,8%		
LDR	83,1%	83,8%	83,4%		
Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	22,2%	22,3%	21,4%		
CASA	24,8%	24,4%	24,9%		

Bảng 3: Các chỉ tiêu chính của Báo cáo kết quả kinh doanh

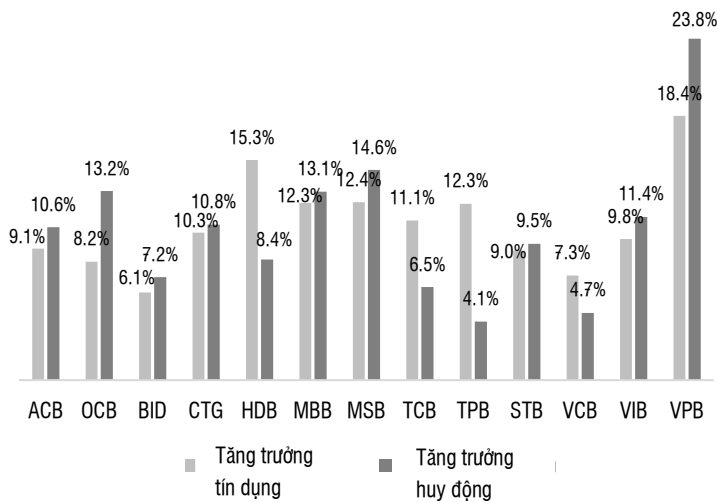
	2Q24	1Q25	2Q25	%YoY	%QoQ	1H24	1H25	%YoY
Thu nhập lãi thuần	15.339	15.475	15.843	3,3%	2,4%	30.513	31.318	2,6%
Thu nhập thuần ngoài lãi	4.311	4.978	5.074	17,7%	1,9%	8.194	10.053	22,7%
Tổng thu nhập hoạt động	19.649	20.453	20.917	6,5%	2,3%	38.707	41.370	6,9%
Chi phí hoạt động	5.074	5.519	5.847	15,2%	5,9%	9.881	11.366	15,0%
CIR	25,8%	27,0%	28,0%			25,5%	27,5%	
Lợi nhuận hoạt động trước dự phòng (PPOP)	14.576	14.934	15.070	3,4%	0,9%	28.826	30.004	4,1%
Chi phí dự phòng	7.817	8.111	2.973	-62,0%	-63,3%	15.866	11.084	-30,1%
Chi phí tín dụng	2,03%	1,84%	0,64%			2,08%	1,22%	
LNTT	6,759	6,823	12,097	79,0%	77,3%	12,960	18,920	46,0%
NIM	2,96%	2,52%	2,53%			2,98%	2,54%	
ROA	1,0%	0,87%	1,52%			1,0%	1,2%	
ROE	16,1%	13,9%	24,3%			15,8%	19,3%	

Nguồn: CTG, SSI Research

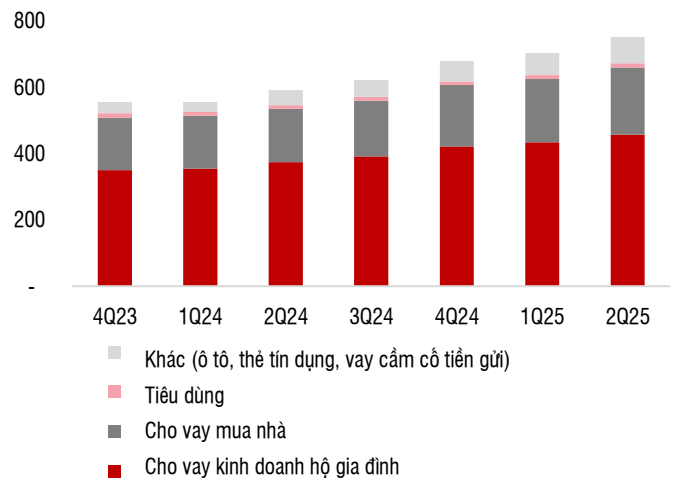
Tăng trưởng bảng cân đối kế toán đạt 9,4% tính từ đầu năm (hay 5,7% so với quý trước), nhờ tín dụng tăng trưởng ổn định (+10,3% tính từ đầu năm) lên 1,9 triệu tỷ đồng tính đến cuối tháng 6/2025. Đà tăng trưởng mạnh mẽ này chủ yếu đến từ các phân khúc sản xuất, chế biến chế tạo (+7% từ đầu năm), thương mại & dịch vụ (+12,2% từ đầu năm), bán buôn & bán lẻ và sửa chữa ô tô xe máy (+9% từ đầu năm), cho vay mua nhà (+9,4% từ đầu năm) và kinh doanh hộ gia đình (+23,3% từ đầu năm). Giải ngân cho vay mua nhà trong Q2/2025 chủ yếu tập trung tại Hà Nội và TP.HCM, tại các dự án nhà ở do các tập đoàn bất động sản lớn phát triển như Vingroup, SunGroup, Ecopark và Khang Điền.

Ngoài ra, tổng tiền gửi tăng 10,8% tính từ đầu năm lên 1,72 triệu tỷ đồng trong Q2/2025, chủ yếu đến từ phát hành mới chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu (+50,3% từ đầu năm). CASA cải thiện nhẹ lên 24,9% trong Q2/2025 (so với 24,4% trong Q1/2025).

Biểu đồ 1: Tăng trưởng tín dụng & tiền gửi trong Q2/2025 tính từ đầu năm

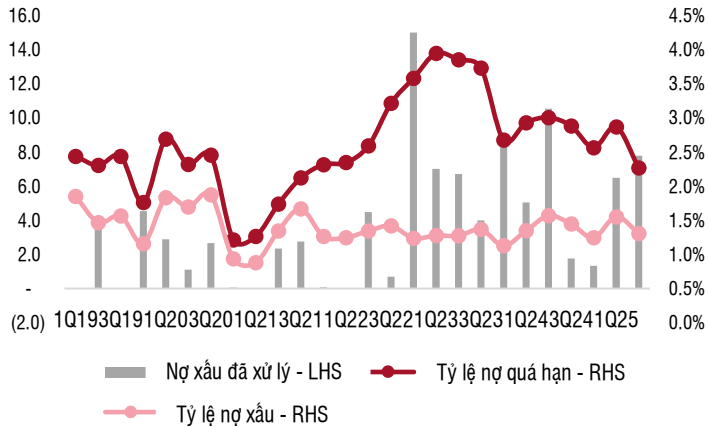


Biểu đồ 2: Cho vay bán lẻ theo sản phẩm

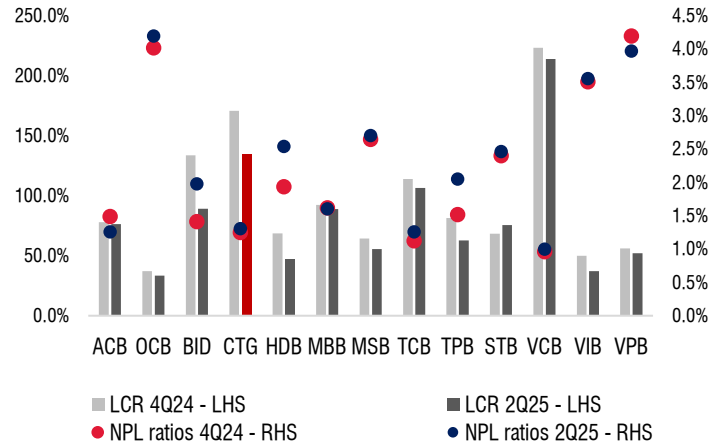


Nguồn: SSI Research

Chất lượng tài sản cải thiện trong Q2/2025: Nợ Nhóm 2 và nợ xấu lần lượt giảm 23% và 11% so với quý trước. Điều này giúp tỷ lệ nợ xấu giảm đáng kể xuống 1,31%, từ 1,55% trong Q1/2025. Mặc dù nợ xấu chủ yếu đến từ các lĩnh vực bất động sản, xây dựng & vật liệu, điện và hàng tiêu dùng, nợ Nhóm 2 (chiếm 1% tổng dư nợ) lại đến từ dịch vụ lưu trú ăn uống, xây dựng cơ bản (giao thông), và dệt may. Chất lượng tài sản cải thiện đã giúp chi phí dự phòng giảm mạnh, đóng góp lớn vào kết quả lợi nhuận ấn tượng trong Q2/2025. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu vẫn duy trì ở mức cao 134,8% tính đến Q2/2025, xếp thứ 2 sau VCB với 213,8%.

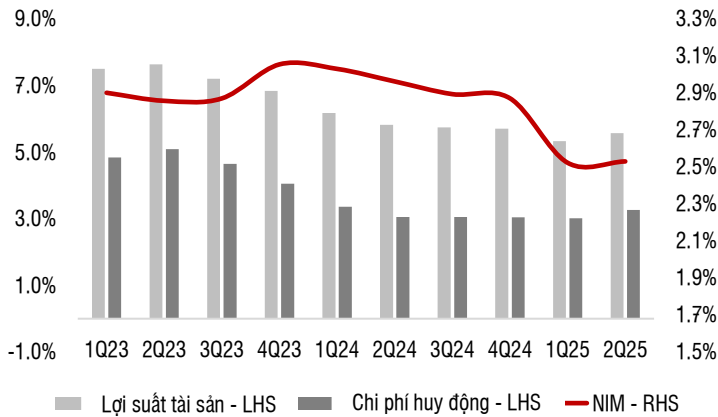
Biểu đồ 3: Chất lượng tài sản cải thiện rõ rệt trong khi CTG tiếp tục đẩy mạnh xử lý nợ xấu trong Q2/2025

Nguồn: CTG, SSI Research

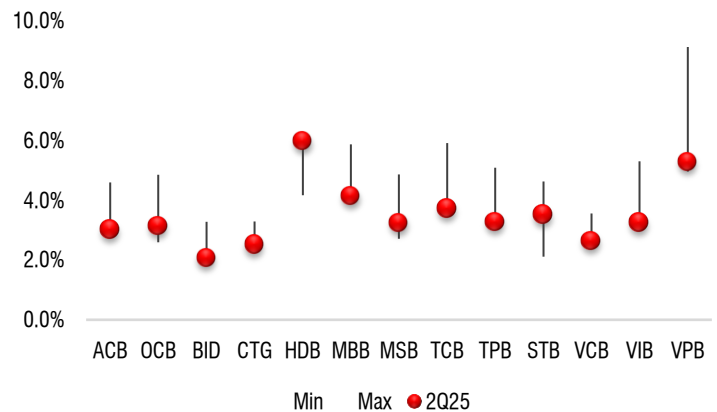
Biểu đồ 4: Tỷ lệ bao phủ nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu tại các ngân hàng trong phạm vi theo dõi

Nguồn: CTG, SSI Research

NIM đi ngang so với quý trước, đạt 2,5%, mặc dù giảm 43 điểm cơ bản svck trong Q2/2025: Lợi suất cho vay giảm nhẹ 2 điểm cơ bản đã được bù đắp bởi thu nhập lãi tăng từ các khoản cho vay liên ngân hàng và danh mục trái phiếu. Tuy nhiên, áp lực huy động vốn vẫn hiện hữu, với lãi suất huy động trung bình tăng 22 điểm cơ bản so với quý trước, cùng với áp lực từ việc phát hành mới chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu (+127,4% svck, hay +12,1% so với quý trước).

Biểu đồ 5: Lợi suất tài sản, chi phí vốn và NIM

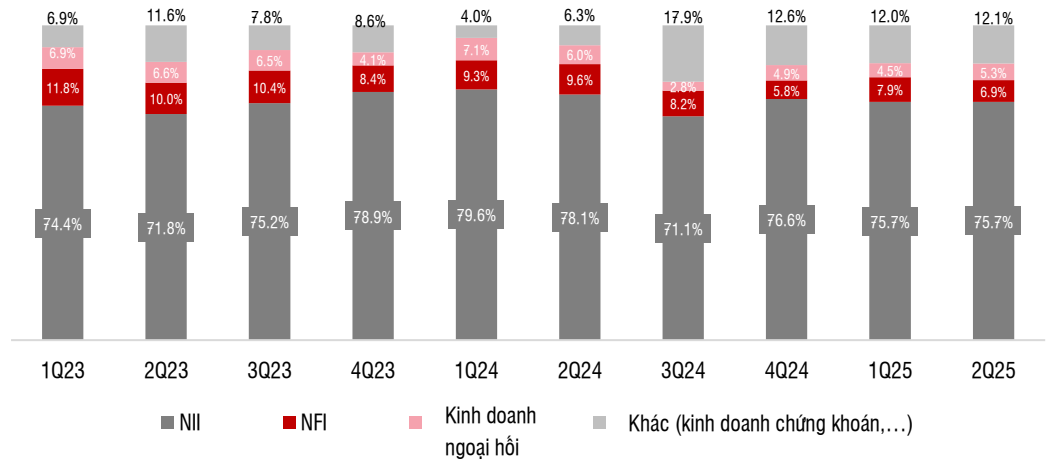
Nguồn: CTG, SSI Research

Biểu đồ 6: NIM trong 5 năm gần đây tại các ngân hàng trong phạm vi theo dõi

Thu nhập ngoài lãi đạt 5,1 nghìn tỷ đồng (+17,7% svck) trong Q2/2025: Mức tăng trưởng này chủ yếu đến từ thu hồi nợ xấu đã xử lý tăng mạnh, đạt 2,1 nghìn tỷ đồng (+44,3% svck) trong Q2/2025. Lũy kế 6T2025, thu từ nợ xấu đã xử lý đạt 4 nghìn tỷ đồng, tương đương 41% so với dự báo của chúng tôi trong năm 2025. Doanh thu từ phí cải thiện đáng kể so với Q2/2024, với dịch vụ bảo lãnh (+24,1% svck), phí thanh toán (+43,8% svck) và dịch vụ tư vấn & ủy thác (+11,8% svck). Tuy nhiên, các chi phí liên quan như hoa hồng và bồi thường

từ hoạt động bảo hiểm cũng tăng trong Q2/2025. Do đó, thu nhập thuần ngoài lãi giảm 24% svck xuống còn 1,4 nghìn tỷ đồng. Lợi nhuận từ kinh doanh ngoại hối giảm 6,7% svck, còn 1,1 nghìn tỷ đồng, trong khi CTG ghi nhận lợi nhuận lớn từ chứng khoán kinh doanh đạt 244 tỷ đồng trong Q2/2025.

Biểu đồ 7: Cơ cấu thu nhập hoạt động



Nguồn: CTG, SSI Research

Ước tính lợi nhuận:

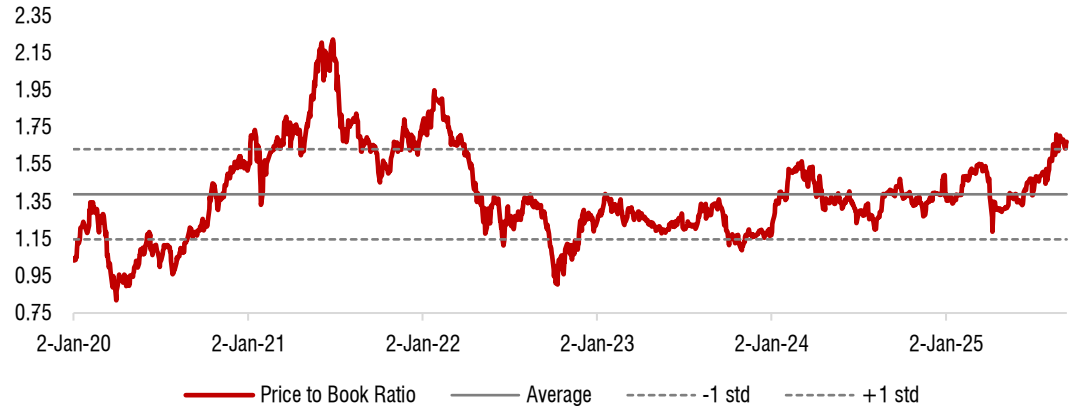
Chúng tôi điều chỉnh dự báo lợi nhuận trước thuế lên 40 nghìn tỷ đồng cho năm 2025 (+26% svck) và 49,4 nghìn tỷ đồng cho năm 2026 (+23,5% svck), lần lượt tăng 3,6% và 2,6% so với dự báo trước. Điều này phản ánh chất lượng tài sản cải thiện, giúp chi phí tín dụng dự báo giảm 7 điểm cơ bản xuống còn 1,23% trong năm 2025 và giảm 6 điểm cơ bản xuống 1,0% trong năm 2026. Tỷ lệ nợ xấu tiếp tục duy trì ở mức lành mạnh 1,15% trong năm 2025 và 1,1% trong năm 2026, trong khi NIM dự kiến ổn định ở mức 2,71%.

Định giá & Khuyến nghị:

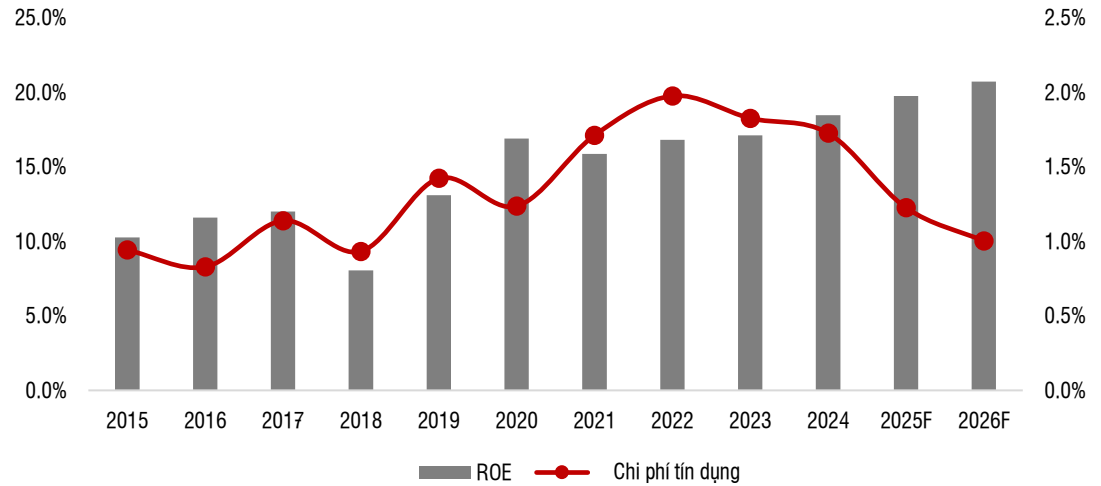
Chúng tôi chuyển định giá sang năm 2026 và chuyển khuyến nghị thành **KHẢ QUAN** đối với CTG, với giá mục tiêu 12 tháng là **63.800 đồng/cổ phiếu**, tương đương tiềm năng tăng giá là 24,6%. CTG hiện đang giao dịch ở mức P/B trượt là 1,66x và P/B dự phóng năm 2026 là 1,32x — cao hơn mức trung bình 5 năm là 1,39x và gần mức +1 độ lệch chuẩn.

Chúng tôi tin rằng sự cải thiện liên tục về các yếu tố cơ bản của CTG — ROE cao, chất lượng tài sản tốt hơn, chi phí dự phòng thấp hơn, NIM ổn định và tăng trưởng lợi nhuận bền vững — sẽ tiếp tục hỗ trợ cho định giá của cổ phiếu.

Biểu đồ 8: P/B trượt



Biểu đồ 9: ROE và chi phí tín dụng



Nguồn: CTG, SSI Research

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Triệu đồng	2022	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán					
+ Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	11.066.956	9.759.580	11.147.549	10.324.148	15.889.582
+ Tiền gửi tại NHNN	29.727.110	40.597.059	34.431.657	39.752.081	41.016.920
+ Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	242.431.953	279.841.639	378.482.885	406.869.101	482.139.885
+ Công cụ phái sinh và tài sản tài chính khác	3.058.727	0	0	0	0
+ Chứng khoán kinh doanh	1.406.183	2.487.905	2.797.955	3.064.678	3.247.008
+ Cho vay khách hàng	1.245.430.464	1.445.571.643	1.685.290.589	1.992.965.764	2.313.737.773
+ Chứng khoán đầu tư	180.312.848	181.210.531	214.608.073	228.366.568	237.682.184
+ Đầu tư dài hạn	3.519.441	3.426.483	3.933.844	3.933.844	3.933.844
+ Tài sản cố định	10.203.357	10.125.534	10.002.157	11.002.373	11.552.491
+ Tài sản khác	81.653.829	59.593.232	44.688.823	46.923.264	48.330.962
Tổng tài sản	1.808.810.868	2.032.613.606	2.385.383.532	2.743.201.821	3.157.530.650
+ Các khoản nợ NHNN	104.779.302	21.814.105	154.284.104	177.426.720	209.363.529
+ Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	209.429.843	304.321.721	276.134.655	350.691.012	420.829.214
+ Tiền gửi của khách hàng	1.249.176.034	1.410.899.038	1.606.144.703	1.806.912.791	2.050.846.018
+ Các công cụ tài chính phái sinh và các nghĩa vụ tài chính khác	0	555.946	398.121	0	0
+ Vốn tài trợ, vốn ủy thác và vay các tổ chức tín dụng khác	2.392.201	2.237.779	2.179.950	2.179.950	2.179.950
+ Phát hành giấy tờ có giá	91.370.419	115.375.727	151.678.090	182.013.708	218.416.450
+ Các khoản nợ khác	43.346.761	51.537.470	44.619.771	48.189.353	48.189.353
Tổng nợ phải trả	1.700.494.560	1.906.741.786	2.235.439.394	2.567.413.533	2.949.824.513
+ Vốn	57.868.215	63.510.626	63.583.999	63.583.999	63.583.999
<i>Vốn điều lệ</i>	<i>48.057.506</i>	<i>53.699.917</i>	<i>53.699.917</i>	<i>53.699.917</i>	<i>53.699.917</i>
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>8.974.677</i>	<i>8.974.677</i>	<i>8.974.677</i>	<i>8.974.677</i>	<i>8.974.677</i>
<i>Vốn khác</i>	<i>836.032</i>	<i>836.032</i>	<i>909.405</i>	<i>909.405</i>	<i>909.405</i>
+ Dự phòng	16.074.632	19.043.575	22.741.524	27.557.204	33.504.629
+ Chênh lệch tỷ giá	120.993	86.970	243.105	243.105	243.105
+ Chênh lệch định giá lại tài sản	0	0	0	0	0
+ Lợi nhuận chưa phân phối	33.513.021	42.369.429	62.405.638	83.434.108	109.404.531
Tổng vốn chủ sở hữu	107.576.861	125.010.600	148.974.266	174.818.416	206.736.264
Lợi ích thuộc cổ đông thiểu số	739.447	861.220	969.872	969.872	969.872
Tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi ích thuộc cổ đông thiểu số	1.808.810.868	2.032.613.606	2.385.383.532	2.743.201.821	3.157.530.650
Tăng trưởng					
Huy động	9,3%	13,9%	15,2%	13,1%	14,1%
Tín dụng	12,1%	15,5%	16,8%	18,0%	16,0%
Tổng tài sản	18,1%	12,4%	17,4%	15,0%	15,1%
Vốn chủ sở hữu	15,7%	16,2%	19,1%	17,2%	18,2%
Thu nhập lãi thuần	14,4%	10,8%	17,8%	9,8%	24,4%
Thu nhập ròng từ phí và hoa hồng	20,6%	10,0%	16,1%	11,0%	13,8%
Thu nhập ngoài lãi	11,7%	6,5%	10,3%	23,6%	15,1%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	20,1%	18,3%	27,1%	26,0%	23,5%
Chi phí hoạt động	19,5%	18,0%	27,1%	26,4%	23,5%
Định giá					
BVPS	22,539	23,440	27,923	32,735	38,679
P/E	9,61	9,08	9,95	10,64	8,61
P/B	1,21	1,16	1,35	1,56	1,32

Nguồn: CTG, SSI dự báo

Triệu đồng	2022	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh					
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	104.664.634	132.671.737	124.449.608	142.647.663	168.455.350
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(56.872.679)	(79.714.259)	(62.046.815)	(74.101.886)	(83.158.219)
Thu nhập lãi thuần	47.791.955	52.957.478	62.402.793	68.545.776	85.297.131
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	11.549.069	12.384.836	12.236.640	13.460.304	14.537.128
Chi phí hoạt động dịch vụ	(5.687.120)	(5.271.107)	(5.530.503)	(6.083.553)	(6.541.708)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5.861.949	7.113.729	6.706.137	7.376.751	7.995.421
Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối	3.555.521	4.248.109	4.190.082	4.818.594	4.240.363
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(112.163)	292.626	92.743	463.715	510.087
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(30.184)	(154.121)	(332.706)	(266.165)	218.321
Thu nhập khác	6.537.854	5.803.076	8.459.186	9.595.972	4.865.300
Thu nhập thuần từ đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	512.244	287.268	390.648	390.648	390.648
TỔNG THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	64.117.176	70.548.165	81.908.883	90.925.291	103.517.270
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(19.194.714)	(20.443.499)	(22.551.734)	(27.868.602)	(32.090.354)
Lợi nhuận ròng từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng	44.922.462	50.104.666	59.357.149	63.056.689	71.426.917
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(23.790.589)	(25.115.141)	(27.598.829)	(23.035.070)	(22.010.628)
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	21.131.873	24.989.525	31.758.320	40.021.619	49.416.289
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.148.228)	(4.944.903)	(6.283.311)	(7.827.012)	(9.664.323)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	16.983.645	20.044.622	25.475.009	32.194.607	39.751.965
Lợi nhuận thuộc về cổ đông thiểu số	(59.920)	(141.072)	(133.495)	(90.073)	(102.465)
LỢI NHUẬN RÒNG	16.923.725	19.903.550	25.341.514	32.104.535	39.649.501
EPS (Đồng)	2.835	2.984	3.799	4.813	5.944
Cổ tức bằng tiền (Đồng)	0	0	0	0	0
Cổ tức bằng cổ phiếu (%)	0%	0%	0%	0%	0%
Nhu cầu vốn					
Hệ số an toàn vốn- CAR (Basel II)	9,65%	9,31%	208,80%	308,80%	308,80%
Vốn CSH/Tổng tài sản	5,99%	6,19%	6,29%	6,41%	6,58%
Chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu	1,24%	1,13%	1,25%	1,15%	1,10%
Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu	186%	167%	171%	167%	167%
Hệ số về quản lý					
Tỷ lệ chi phí/thu nhập - CIR	29,9%	29,0%	27,5%	30,7%	31,0%
Chi phí trích lập dự phòng/Lợi nhuận thuần từ HĐKD	2,553	2,863	3,312	3,711	4,225
Lãi thuần từ HĐKD trên mỗi nhân viên	841	1,014	1,284	1,634	2,017
Lợi nhuận trước thuế trên mỗi nhân viên	56,441	62,709	72,422	79,969	90,566
Lãi thuần từ HĐKD trên mỗi chi nhánh/PGD	18,602	22,213	28,080	35,199	43,234
Lợi nhuận					
Hệ số chênh lệch lãi thuần - NIM	2,98%	2,86%	2,88%	2,71%	2,93%
Thu nhập ngoài lãi/Lãi thuần từ HĐKD	25,46%	24,93%	23,81%	24,61%	17,60%
ROA - trung bình	0,82%	0,83%	0,92%	1,01%	1,08%
ROE - trung bình	16,82%	17,12%	18,47%	19,77%	20,73%
Thanh khoản					
Tỷ lệ cấp tín dụng trên vốn huy động - LDR	95,5%	96,9%	98,2%	102,4%	104,1%

Nguồn: CTG, SSI dự báo

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Phân tích

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Ngân hàng

Trương Minh Phương Duy

Chuyên viên Phân tích cao cấp

duytmp@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321